TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Hập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày: 29-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán và kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hê Quang Xẹt;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2022/THST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: tổ 25, khu phố 4, phường PL, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: khu phố H, phường K, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964 ; địa chỉ :khu phố H, phường K, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/11/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/3/2021 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông Huỳnh Minh Đ và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng nhưng đã ly hôn năm 1995. Vợ chồng có hai người con tên Huỳnh N và Huỳnh Bá Đ1 sống chung với ông Huỳnh Minh Đ tại địa chỉ khu phố H, phường K, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Do đó, bà H đồng ý bán thiếu vật liệu xây dựng cho ông Đ xây nhà với phương thức thanh toán trả góp.

Từ ngày 03/8/1999 đến ngày 08/10/1999, bà H và ông Đ đã đối chiếu xác nhận ông Đ nợ bà H các khoản sau:

Tiền xây nhà mặt tiền bên má ông Đ 17.785.000 đồng;

Tiền xây hàng rào bên má ông Đ 5.060.000 đồng;

Tiền Hời đám giỗ mượn H1 400.000 đồng;

Tiền chi phí phí vụ đất Tân Vĩnh Hiệp 1.200.000 đồng.

Tổng cộng: 24.445.000 đồng quy ra vàng là 58 chỉ vàng (giá vàng 420.000 đồng/chỉ).

Đến năm 2000, ông Đ có đơn tố cáo hành vi mua bán hóa đơn giá trị gia tăng nên bà H bị điều tra dẫn đến bị bệnh tâm thần phải điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa từ ngày 20/11/2000 đến ngày 24/3/2001. Từ ngày 22/11/2002 đến ngày 29/10/2003, bà H bị tạm giam. Từ năm 2003, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ hẹn lần không trả. Do yêu cầu khởi kiện của bà H hết thời hiệu khởi kiện nên bà H không có đơn khởi kiện tranh chấp với ông Đ. Tuy nhiên, theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không áp dụng thời hiệu khởi kiện nên bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền nợ.

Đối với đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/11/2020, bà H yêu cầu ông Đ trả giá trị xe cúp cánh én Hà 28 chỉ vàng (giá vàng 5.600.000 đồng/chỉ) tương đương 156.800.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H xin rút yêu cầu khởi kiện.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Đ và đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/3/2021 bà H trình bày như sau:

Ngày 15/7/1998, ông Huỳnh Minh Đ có thỏa thuận chuyển nhượng cho bà H diện tích đất 240m^2 với giá 05 chỉ vàng 9,5 tuổi tương đương 2.100.000 đồng. Từ ngày 16/7/1998 đến 21/8/1998, bà H đã trả cho ông Đ 700.000 đồng còn nợ 1.400.000 đồng. Theo danh sách nợ, ông Đ có ghi nợ bà H số tiền 1.200.000 đồng và 200.000 đồng. Tổng cộng 1.400.000 đồng được trừ vào tiền đất ngày 15/7/1998. Do đó, bà H không còn nợ ông Đ.

Tuy nhiên, từ ngày 28/8/1998 đến ngày 30/3/1999, bà H đã chuộc 02 chiếc xe (xe cúp giá 2.000.000 đồng ngày 3/3/1999 và xe Drem II giá 10.000.000 đồng ngày 12/3/2000) ông Đ cầm tại tiệm cầm đồ A ở Bình Chuẩn. Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2021, bà H trình bày sau khi trừ số tiền bà H nợ ông Đ Hà 1.400.000 đồng thì ông Đ còn nợ 10.600.000 đồng tương đương 25,2 chỉ vàng nhưng bà H chỉ yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà H 25 chỉ vàng (giá vàng 5.600.000 đồng). Tại phiên tòa bà H trình bày khoản tiền nợ theo giấy nhận nợ ngày 15/7/1998 bà H đã trả hết cho ông Đ như trình bày ở trên. Riêng đối với tiền chuộc xe cúp giá 2.000.000 đồng ngày 3/3/1999 và xe Drem II giá 10.000.000 đồng ngày 12/3/2000, bà H rút yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa bà H xác định yêu cầu ông Đ trả 58 chỉ vàng (giá vàng 5.600.000 đồng/chỉ).

Đối với đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của ông Huỳnh Minh Đ thì bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp Huật.

Bị đơn ông Huỳnh Minh Đ trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2020, ông Đ thừa nhận giữa ông Đ và bà H có thỏa thuận việc mua bán vật liệu xây dựng. Ông Đ có ký tên xác nhận nợ bà H số tiền 24.445.000 đồng nhưng số tiền nợ này bà H đã khởi kiện trong vụ án đòi tài sản 26 lượng vàng đã được Tòa án giải quyết bằng Bản án đã có hiệu lực pháp Huật (Bản án sơ thẩm số 14/2006/DSST ngày 09/3/2006 của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên và Bản án phúc thẩm số 197/2006/DSPT ngày 20/7/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương). Ngoài ra hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng giữa bà H với ông Đ hai bên xác nhận nợ từ 08/10/1999 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ luật Dân sự nên ông Đ yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà H đối với tranh chấp tiền mua vật Hiệu xây dựng.

Đối vời tiền lời đám giỗ mượn H1 400.000 đồng, ông H1 đã có văn bản làm chứng trình bày ông Đ đã trả tiền cho ông H1. Do đó, ông Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đối với số tiền lo vụ đất Tân Vĩnh Hiệp 1.200.000 đồng. Tại biên nhận ngày 15/7/1998, bà H ghi nợ 05 chỉ vàng (giá vàng 420.000 đồng/chỉ) nhưng bà H đã trả 700.000 đồng. Như vậy, bà H còn nợ vàng ông Đ. Vì vậy, ông Đ có đơn phản tố yêu cầu bà H trả các khoản sau:

Tại biên nhận ngày 15/7/1998, bà H ghi "H nợ 05 (năm) chỉ vàng 9T5" và bà H trả 700.000 đồng. Giá váng hai bên đã thỏa thuận năm 1998 là 420.000 đồng/chỉ.

Tại biên nhận ngày 06/8/1999, bà H nhận 2.000.000 đồng (trong hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng).

Tại biên nhận ngày 19/8/1999 bà H nhận 4.000.000 đồng và giao xe cúp cánh én cho H (trong hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng).

Tổng cộng 03 khoản trên như sau:

Về vàng: 05 chỉ + xe cúp cánh én giá 28 chỉ vàng = 33 chỉ vàng.

Tiền: 2.000.000 đồng + 400.000.000 đồng – 700.000 đồng = 5.300.000 đồng quy đổi giá vàng tại thời điểm năm 1999 Hà 420.000 đồng/chỉ tương đương 12,6 chỉ vàng.

Tổng cộng số vàng bà H nợ ông Đ Hà 45,6 chỉ vàng với giá vàng hai bên thỏa thuận là 5.600.000 đồng/chỉ tương đương 255.360.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Đ trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H đã hết thời hiệu khởi kiện nên đề ghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đình chỉ yêu cầu của bà H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp Huật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp Huật đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ Huật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

Về nội dung: Nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Huỳnh Minh Đ trả giá trị xe cúp cánh én trị giá 28 chỉ vàng 9,5 tuổi. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả tiền chuộc xe cúp cánh én và xe Dream quy ra vàng là 28,571 chỉ vàng 9,5 tuổi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp Huật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

Ông Đ có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Xét thấy, bà H yêu cầu ông Đ trả lại số tiền cho mượn mua vật liệu xây dựng và tiền xây hàng rào từ những năm 1999. Đối với hợp đồng dân sự thời hiệu khởi kiện là 03 năm. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H thừa nhận sau khi điều trị bệnh vào năm 2008, 2009 thì bà không thực hiện việc khởi kiện bị đơn do đã hết thời hiệu. Do đó, đối với 02 khoản tiền mua vật liệu xây dựng, đề nghị HĐXX đình chỉ do hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 154 Bộ Huật Dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc trả tiền mượn H1 và tiền lo chi phí vụ đất bên Tân Vĩnh Hiệp, tổng cộng 1.600.000 đồng: Tại biên nhận ngày 08/10/1999, nguyên đơn có ghi rõ nội dung số tiền bị đơn nợ, có chữ ký xác nhận của bị đơn và bị đơn cũng thừa nhận có ký nhận nợ. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Huật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.600.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu phản tố: Bị đơn yêu cầu bà H trả 45,6 chỉ vàng 9,5 tuổi theo các biên nhận nợ ngày 15/7/1998 (nợ tiền mua đất là 05 chỉ), ngày 06/8/1999 (Đ trả 2.000.000 đồng) và ngày 19/8/1999 (Đưa H 4.000.000 đồng – Giao xe cúp cánh én cho H), tương đương số tiền 230.280.000 đồng.

Nguyên đơn xác nhận tại bên nhận ngày 15/7/1998, nguyên đơn nợ bị đơn 05 chỉ vàng, tương đương 2.100.000 đồng và đã trả 700.000 đồng và còn nợ 1.400.000 đồng. Nguyên đơn đã trả hết số tiền còn nợ là 1.400.000 đồng vào ngày 15/10/1998 cho bị đơn. Tuy nhiên nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh. Do đó, nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho bị đơn số tiền còn nợ là 1.400.000 đồng.

Đối với các Biên nhận ngày 06/8/1999 và ngày 19/8/1999 thể hiện việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn 2.000.000 đồng và 4.000.000 đồng, bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền trên tuy nhiên hai khoản này nằm trong Giấy

biên nhận về việc làm nhà từ ngày 03/8/1999 đến ngày 08/10/1999 trong đó khi bị đơn trả các số tiền trên. Ngày 08/10/1999, hai bên chốt Hại số tiền nợ là 17.785.000 đồng. Vì thế, việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 6.000.000 đồng theo các biên nhận trên không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Minh Đ trả tiền nợ mua bán vật liệu xây dựng và ông Đ có đơn phản tố yêu cầu bà H trả tiền nợ nên đây là vụ án "Tranh chấp kiện đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng dân sự" theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 Bộ Huật Tố tụng dân sự. Ông Huỳnh Minh Đ có địa chỉ tại phường K, thị xã U, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ Huật Tố tụng dân sự.

[2] Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chưng theo quy định tại Điều 229 Bộ Huật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận giá như sau:

- Giá vàng tại thời điểm năm 1999 là 420.000 đồng/01 chỉ vàng (vàng 9,5 tuổi).

- Giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.600.000 đồng/01 chỉ vàng (vàng 9,5 tuổi)

- Giá xe mô tô cúp cánh én theo biên nhận ngày 19/8/1999 có giá 28 chỉ vàng 9,5 tuổi tương đương 11.760.000 đồng.

Xét việc thỏa thuận giá của các đương sự Hà tự nguyện nên Tòa án ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông Đ trả tiền nợ vật liệu xây dựng hai bên đã tổng kết nợ ngày 08/10/1999 đến nay ngày 02/10/2020 bà H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ Huật Dân sự "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Bà H yêu cầu áp dụng Điều 156 Bộ Huật Dân sự quy định về thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự vì lý do trở ngại khách quan làm cho bà H không thực hiện được quyền khởi kiện là do bà H phải điều trị bệnh tại bệnh viên Tâm Thần Biên Hòa từ ngày 20/11/2000 đến ngày 24/3/2001. Từ ngày 22/11/2002 đến ngày 29/10/2003, bà H bị tạm giam. Bà H biết quyền lợi bị xâm phạm nhưng bà H không thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ. Đến ngày 01/02/2020, bà H nộp đơn khởi kiện Hà đã hết thời hiệu khởi kiện. Ông Huỳnh Minh Đ có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án ra bản án, quyết định giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ

quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ Huật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H đối với tranh chấp hợp đồng mua bán vật Hiệu xây dựng.

[5] Bà H rút yêu cầu khởi kiện buộc ông Đ trả lại giá trị xe cúp cánh én, tiền chuộc xe cúp giá 2.000.000 đồng ngày 3/3/1999 và xe Drem II giá 10.000.000 đồng ngày 12/3/2000 nên Tòa án đình chỉ giải quyết.

[6] Tiền lời đám giỗ mượn H1 400.000 đồng, ông Đ thừa nhận có nợ bà H. Ông Đ cung cấp lời của ông H1 xác nhận ông Đ đã trả cho ông H1 số tiền 400.000 đồng. Tại biên nhận ngày 8/10/1999, ông Đ xác nhận nợ tiền của bà H nên ông Đ có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

[7] Số tiền nợ 1.200.000 đồng, ông Đ thừa nhận có nợ bà H nhưng ông Đ dẫn chiếu sang tiền nợ tại biên nhận ngày 15/7/1998 để chứng minh bà H là người nợ ông Đ. Xét thấy, ông Đ thừa nhận có nợ bà H nên ông Đ có trách nhiệm trả tiền nợ 1.200.000 đồng cho bà H.

[8] Yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đ.

Đối với biện nhận nợ ngày 15/7/1998, ông Đ và bà H thống nhất trình bày bà H nợ ông Đ 05 chỉ vàng 9,5 tuổi (giá vàng 420.000 đồng/chỉ). Bà H đã trả cho ông Đ 700.000 đồng (1,6 chỉ vàng), đây là tình tiết không phải chứng minh. Xét đơn yêu cầu phản tố của ông Đ yêu cầu bà H trả 3,4 chỉ vàng (5.600.000 đồng/chỉ) tương đương 19.040.000 đồng. Bà H trình bày đã trả hết cho ông Đ số tiền 1.400.000 đồng tại biên nhận ngày 15/7/1998 nhưng bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do đó, yêu cầu của ông Đ là có căn cứ chấp nhận.

Đối với biên nhận ngày 6/8/1999 bà H nhận 2.000.000 đồng và biên nhận ngày 19/8/1999 bà H nhận 4.000.000 đồng và giao xe cúp cách én cho bà H. Hai biên nhận trên bà H nhận tiền thanh toán vật liệu xây dựng và hai bên đã có văn bản tổng kết tiền nợ mua vật Hiệu xây dựng vào ngày 08/10/1999. Do đó, yêu cầu của ông Đ là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Minh Đ đều có đơn xin miễn án phí dân sự do thuộc trường hợp người cao tuổi. Do đó, bà H và ông Đ thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản Hý và sử dụng án phí và Hệ phí của Tòa án.

Vì các Hẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 229, 244, 271 và 273 Bộ Huật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 155, 156, 166, 429, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ Huật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-NĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp Huật về Hãi, Hãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản Hý và sử dụng án phí và Hệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Huỳnh Minh Đ về tranh chấp hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Huỳnh Minh Đ về đòi giá trị xe cúp cánh én là 28 chỉ vàng và tiền chuộc xe cúp giá 2.000.000 đồng ngày 3/3/1999 và xe Drem II giá 10.000.000 đồng ngày 12/3/2000.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Huỳnh Minh Đ về việc "kiện đòi tài sản".

Buộc ông Huỳnh Minh Đ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.600.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Minh Đ

Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho cho ông Huỳnh Minh Đ 3,4 chỉ vàng 9,5 tuổi (giá vàng 5.600.000 đồng/chỉ) tương đương 19.040.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Minh Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền 6.000.000 đồng và giá trị xe cúp cánh én.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền Hãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức Hãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Minh Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Huật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Huật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Huật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Hưu: VT, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm